TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2023/DS-ST
Ngày: 30-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Bà Trần Thị Đúng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**

Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Chí C**, sinh năm: 2000

Địa chỉ: 98-108A Cách Mạng Tháng Tám, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 31/3/2023)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh N**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: B10/323B ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông C, ông N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là ông Nguyễn Chí C trình bày:

Ông Nguyễn Vĩnh N có vay của Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Ngân hàng K) tổng số tiền là 57.500.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ký ngày 22/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số: 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/05/2019, cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ký ngày 22/10/2018:

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Giải ngân ngày: 25/10/2018.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Lãi suất vay là: 22%/năm (theo quy định của Kienlongbank phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và được công bố trên website https://kienlongbank.com)
- Các loại phí theo thỏa thuận tại Điều 3 Phụ lục 1 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank.
- Hình thức thanh toán: Lãi và gốc trả hàng tháng.

Tính đến ngày 30/6/2023 thì ông Nguyễn Vĩnh N còn nợ Ngân hàng TMCP K đối với khoản vay này là: 91.788.277 đồng (chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng). Theo bản kê tính lãi phí thẻ tín dụng ngày 30/6/2023 của Ngân hàng TMCP K nộp thì trong đó nợ gốc là 29.998.005 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn không trăm lẻ năm đồng), lãi phát sinh 23.344.655 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng) – tương ứng với cột tổng lãi phát sinh A trong bản kê tính lãi phí thẻ tín dụng, cột này được hiểu là lãi trong hạn; phí phạt chậm trả là 21.295.239 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) - tương ứng với cột phí phạt chậm trả E trong bản kê tính lãi phí thẻ tín dụng, đây được hiểu là lãi chậm thanh toán, lãi này được tính như sau là nợ gốc, cộng với lãi trong hạn nhân với số ngày chậm trả để ra lãi chậm thanh toán, phí phạt vượt quá mức là 16.952.328 đồng (mười sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng) – tương ứng với cột phí vượt hạn mức (N) trong bản kê tính lãi phí thẻ tín dụng, phí này được hiểu như sau: số tiền gốc + số tiền lãi trong hạn nhưng vượt qua hạn mức được cấp cho khách hàng là 30.000.000 đồng thì phần vượt đó khách hàng phải chịu phí vượt hạn mức; phí thường niên là 198.000 đồng (một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

2. Hợp đồng tín dụng số: 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/05/2019:

- Số tiền vay: 27.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống.
- Giải ngân ngày: 21/05/2019.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Phương thức cho vay: từng lần.

- Hình thức thanh toán: Gốc trả hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

- Lãi suất vay là: 10,1%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. lãi suất vay được cố định trong 03 tháng đầu tiên. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay của tất cả khế ước nhận nợ được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 2,7%/năm.

Sau khi Ngân hàng khởi kiện ông N ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì ngày 14/4/2021 ông N đã trả cho Ngân hàng K số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). sau khi trừ các khoản lãi thì ông N còn nợ lại ngân hàng K số tiền nợ gốc của khoản tiền này là 2.218.657 đồng (hai triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Từ đó đến nay ông N không trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho hợp đồng tín dụng này nên tạm tính đến ngày 30/6/2023 thì ông N còn nợ Ngân hàng K khoản vay này là 4.425.777 (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 2.218.657 (hai triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm năm mươi bảy) đồng, lãi trong hạn 607.517 (sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm mười bảy) đồng, phạt chậm trả lãi 121.863 (một trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng, phạt nợ quá hạn 1.477.640 (một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

Do đó, tổng số tiền mà ông Nguyễn Vĩnh N còn nợ ngân hàng K của hai khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 96.214.054 đồng (chín mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm năm mươi bốn đồng)

Tại phiên tòa, ông Cường đại diện ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 30/8/2023 thì ông Nguyễn Vĩnh N còn nợ ngân hàng K số tiền của hợp đồng tín dụng số 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/05/2019 là 4.595.408 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) trong đó nợ gốc: 2.218.657 đồng, lãi phát sinh: 607.617 đồng, phạt chậm trả lãi: 132.017 đồng, Phạt nợ quá hạn: 1.637.117 đồng và số tiền của Giấy đăng ký phát hành thêm thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ký ngày 22/10/2018 là 94.875.015 đồng (chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 29.998.055 đồng, lãi phát sinh: 24.771.393 đồng, Phạt chậm trả lãi: 22.555.239 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 17.352.328 đồng, Phí thường niên: 198.000 đồng. Tổng cộng số tiền của hai khoản vay là 99.470.423 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng). Buộc ông Nguyễn Vĩnh N phải thanh toán một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Vĩnh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện trả không đủ số nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tất cả các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Vĩnh N và trích các nguồn thu nhập khác để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Nguyễn Vĩnh N phải chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng khác có liên quan đến vụ việc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N trình bày:

Trong lúc còn làm việc tại Ngân hàng TMCP K, ông có phát sinh một khoản vay tín chấp cán bộ nhân viên và sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng như đại diện Ngân hàng trình bày. Ngày 14/4/2021 Ông đã trả cho ngân hàng được số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý trả số tiền ông nợ của Ngân hàng trong hợp đồng tín dụng số 150/19/HĐTD/2800-8181 ký ngày 21/5/2019 tạm tính đến ngày 30/6/2023 là 4.425.777 (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng. Đối với số tiền của Giấy đăng ký phát hành thêm các thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 tạm tính đến 30/6/2023 là 91.788.277 đồng (chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng thì ông đề nghị được giảm số tiền lãi và đề nghị được trả thành nhiều lần.

Tại phiên tòa: Ông đồng ý trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/8/2023 nhưng do còn khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho ông được trả dần theo biên bản làm việc ngày 29/5/2023 với ngân hàng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Nguyễn Vĩnh N yêu cầu ông N phải trả cho Ngân hàng K số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng và giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank giữa Ngân hàng K với ông N. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Vĩnh N hiện đang cư trú tại địa chỉ B10/323B ấp 2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về các yêu cầu của đương sự:

[4.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019 và giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP K và ông Nguyễn Vĩnh N,

các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì có cơ sở xác định giữa Ngân hàng K và ông N có ký với nhau hai hợp đồng nêu trên, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận bị đơn có ký với nguyên đơn một hợp đồng tín dụng 150/19/HĐTD/2800-8181 để vay số tiền 27.500.000 đồng, lãi suất cho vay là 10,1%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế, lãi suất vay được cố định trong 03 tháng đầu tiên. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay của tất cả khế ước nhận nợ được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 2,7%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống, hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.218.657 đồng (hai triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng)

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận tạm tính đến ngày 30/8/2023 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng này là 4.595.408 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) trong đó nợ gốc: 2.218.657 đồng, lãi phát sinh: 607.617 đồng, phạt chậm trả lãi: 132.017 đồng, Phạt nợ quá hạn: 1.637.117 đồng

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng K nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/8/2023 là 4.595.408 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng)

[4.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi của giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 là 94.875.015 đồng (chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 29.998.055 đồng, lãi phát sinh: 24.771.393 đồng, Phạt chậm trả lãi: 22.555.239 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 17.352.328 đồng, Phí thường niên: 198.000 đồng

Bị đơn thừa nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc của giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 là 29.998.055 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), lời thừa nhận này của bị đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/20216 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng quy định: "*Chỉ Tổ chức phát hành thẻ được thu phí của chủ thẻ. Tổ chức phát hành thẻ thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu*

rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của Tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi. Các hình thức thông báo và cung cấp thông tin về phí cho chủ thẻ phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Thời gian từ khi thông báo đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ"

Căn cứ khoản 3.1 Điều 3 của bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongBank, mục IV của Quy định biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại ngân hàng TMCP K (ban hành theo quyết định số 408A/QĐ-NHKL ngày 10/3/2021 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K), điểm 4.3, 7.3 Mục A của Phụ lục 2 Hạn mức biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng (ban hành kèm theo quyết định số 1750/QĐ-NHKL ngày 10/11/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K), mục 2.39 Điều 3 của Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng K (ban hành kèm theo Quyết đính số 2995/QĐ-NHKL ngày 15/8/2018 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K) thì Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số lãi phát sinh: 24.771.393 đồng, Phạt chậm trả lãi: 22.555.239 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 17.352.328 đồng, Phí thường niên: 198.000 đồng

[4.4] Từ những nhận định và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

[4.4.1] Buộc ông Nguyễn Vĩnh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019 là 4.595.408 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) bao gồm: nợ gốc: 2.218.657 đồng, lãi phát sinh: 607.617 đồng, phạt chậm trả lãi: 132.017 đồng, Phạt nợ quá hạn: 1.637.117 đồng

[4.4.2] Buộc ông Nguyễn Vĩnh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc và lãi, phí của giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 là 94.875.015 đồng (chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lắm nghìn không trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 29.998.055 đồng, lãi phát sinh: 24.771.393 đồng, Phạt chậm trả lãi: 22.555.239 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 17.352.328 đồng, Phí thường niên: 198.000 đồng

[4.5] Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 quy định: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu*

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật" "*Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án".* Do đó, ông N phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019 và giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank giữa ngân hàng K với ông N kể từ ngày 31/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Vĩnh N.

1.1 Buộc ông Nguyễn Vĩnh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 99.470.423 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) cụ thể:

1.1.1 Số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019 là 4.595.408 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) bao gồm: nợ gốc: 2.218.657 đồng, lãi phát sinh: 607.617 đồng, phạt chậm trả lãi: 132.017 đồng, Phạt nợ quá hạn: 1.637.117 đồng.

1.1.2 Số tiền nợ gốc và lãi của giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 là 94.875.015 đồng (chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm mười lăm đồng) trong đó nợ gốc là 29.998.055 đồng, lãi phát sinh: 24.771.393 đồng, Phạt chậm trả lãi: 22.555.239 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 17.352.328 đồng, Phí thường niên: 198.000 đồng

1.2 Kể từ ngày 31/8/2023 ông Nguyễn Vĩnh N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 150/19/HĐTD/2800-8181 ngày 21/5/2019 và giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 40068295000100 ngày 22/10/2018 và bản chấp thuận về điều khoản và điêu kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Vĩnh N phải chịu 4.973.521 đồng (bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí 1.367.870 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi đồng) mà Ngân hàng K đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080907 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP K, ông Nguyễn Vĩnh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy